

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đất có diện tích 114,2m² (mục đích sử dụng: 30m² đất ở tại đô thị và 84,2m² đất trồng lúa) tại số thửa cũ 184(797), tờ bản đồ số 13 (số thửa mới 3028, tờ bản đồ số 135), tại phường Tân An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Phú An, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T430652, số vào sổ 3303 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 31/8/2004 cho hộ bà Trịnh Thị Phụng (theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý ngày 15/01/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Dầu Một).

Tài sản trên đất gồm:

01 căn nhà cấp 04, tường gạch, mái tole, trần la phong, nền gạch men, cửa sắt; 01 bồn nước bằng nhựa 1.000l; 01 công tơ điện.

2. Giá khởi điểm: **1.793.603.000 đồng** (một tỷ bảy trăm chín mươi ba triệu sáu trăm lẻ ba ngàn đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Trung Tâm dịch vụ đấu giá Tài sản Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ trụ sở chính: 19/5 Hoàng Việt, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): không

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

| TT | NỘI DUNG | Mức tối đa | Trung tâm Dịch vụ bán | Công ty đấu giá hợp danh Việt Nam |
|----|----------|------------|-----------------------|-----------------------------------|
|----|----------|------------|-----------------------|-----------------------------------|

| | | | đấu giá tài sản TPHCM | |
|-----------|--|--------------------|------------------------------|--------------|
| I | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | | | |
| 1. | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Đủ điều kiện | Đủ điều kiện | Đủ điều kiện |
| 2. | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện | | |
| II | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 19,0 | 18,0 | 19,0 |
| 1. | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 10,0 | 10,0 | 10,0 |
| 1.1 | <i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i> | 5,0 | 5,0 | 5,0 |

| | | | | |
|-----|---|-----|------------|------------|
| 1.2 | <i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i> | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 2. | <i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i> | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 2.1 | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i> | 2,0 | 2,0 | 2,0 |
| 2.2 | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i> | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| 3. | <i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ</i> | 2,0 | 2,0 | 2,0 |

| | | | | |
|-----|---|------|------|------|
| | <i>đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Công thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i> | | | |
| 4. | <i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyet hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i> | 1,0 | 0 | 1,0 |
| 5. | <i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i> | 1,0 | 1,0 | 1,0 |
| III | <i>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả</i> | 16,0 | 16,0 | 16,0 |
| 1. | <i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i> | 4,0 | 4,0 | 4,0 |
| 1.1 | <i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i> | 2,0 | 2,0 | 2,0 |
| 1.2 | <i>Bước giá, số vòng đấu giá</i> | 2,0 | 2,0 | 2,0 |

| | | | | |
|-----|--|------------|------------|------------|
| | <i>khả thi, hiệu quả</i> | | | |
| 2. | <i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i> | 4,0 | 4,0 | 4,0 |
| 3. | <i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i> | 4,0 | 4,0 | 4,0 |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i> | 2,0 | 2,0 | 2,0 |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i> | 2,0 | 2,0 | 2,0 |
| 4. | <i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh</i> | 4,0 | 4,0 | 4,0 |

| | | | | |
|-----------|--|-------------|-------------|-------------|
| | <i>trật tự của phiên đấu giá</i> | | | |
| IV | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản | 57,0 | 57,0 | 54,0 |
| 1. | Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) | 15,0 | 15,0 | 15,0 |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i> | <i>12,0</i> | | |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i> | <i>13,0</i> | | |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i> | <i>14,0</i> | | |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i> | <i>15,0</i> | <i>15,0</i> | <i>15,0</i> |
| 2. | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề | 7,0 | 7,0 | 7,0 |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i> | <i>4,0</i> | | |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến</i> | <i>5,0</i> | | |

| | | | | |
|-----|--|-----|-------------------|-----|
| | <i>dưới 30 cuộc đấu giá thành</i> | | | |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i> | 6,0 | | |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i> | 7,0 | 7,0 | 7,0 |
| 3. | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</i> | 7,0 | 7,0 | 7,0 |
| 3.1 | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i> | 4,0 | | |
| 3.2 | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i> | 5,0 | | |
| 3.3 | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i> | 6,0 | | |
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i> | 7,0 | 7,0 | 7,0 |
| 4. | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</i> | 3,0 | 3,0 | 1,0 |
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức</i> | 3,0 | 3,0 (149 cuộc) | |

| | | | | |
|-----|--|-----|-----|------------------|
| | <i>chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất</i> | | | |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề</i> | | | 1,0 (13 cuộc) |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo</i> | | | |
| 5. | <i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động</i> | 7,0 | 7,0 | 6,0 |
| 5.1 | <i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i> | 4,0 | | |
| 5.2 | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i> | 5,0 | | |

| | | | | |
|-----|---|------------|------------|------------|
| 5.3 | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i> | 6,0 | | 6,0 |
| 5.4 | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i> | 7,0 | 7,0 | |
| 6. | <i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i> | 4,0 | 4,0 | 4,0 |
| 6.1 | <i>01 đấu giá viên</i> | 2,0 | | |
| 6.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i> | 3,0 | | |
| 6.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i> | 4,0 | 4,0 | 4,0 |
| 7. | <i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân</i> | 4,0 | 4,0 | 4,0 |
| 7.1 | <i>Dưới 05 năm</i> | 2,0 | | |
| 7.2 | <i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i> | 3,0 | | |
| 7.3 | <i>Từ 10 năm trở lên</i> | 4,0 | 4,0 | 4,0 |
| 8. | <i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i> | 5,0 | 5,0 | 5,0 |

| | | | | |
|-----|---|-----|-----|-----|
| 8.1 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i> | 3,0 | | |
| 8.2 | <i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i> | 4,0 | | |
| 8.3 | <i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i> | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 9. | <i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i> | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 9.1 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i> | 3,0 | | |
| 9.2 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i> | 4,0 | | |
| 9.3 | <i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i> | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định. | 8,0 | 8,0 | 8,0 |

| | | | |
|---------------------|------------|-------------|-------------|
| Tổng số điểm | 100 | 99,0 | 97,0 |
|---------------------|------------|-------------|-------------|

Trên đây là kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo Thông báo số 1831/TB-THADS (15) ngày 25/12/2025. Nay Chấp hành viên Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15) thông báo cho các tổ chức, cá nhân liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Cổng TT điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử của THADS TP. HCM (để đăng tải);
- Cổng TTĐT của Cục quản lý THADS (để đăng tải);
- Viện KSND Khu vực 15;
- Đương sự (để biết);
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Trịnh Thị Hằng).

CHẤP HÀNH VIÊN

Trịnh Thị Hằng